**Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI Nghệ An năm 2021**

**Nguyễn Thị Minh Tú**

***Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được xây dựng nhằm đánh giá môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền cấp tỉnh trên 10 lĩnh vực quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Một tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế tốt khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và an ninh trật tự được duy trì.***

***Năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp phải đối phó với đại dịch COVID-19, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động doanh nghiệp với mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với từng nhóm doanh nghiệp. Các chính sách của nhà nước và các biện pháp ứng phó của chính các doanh nghiệp có vai trò then chốt tác động đến khả năng chống chịu cũng như niềm tin kinh doanh của doanh nghiệp.***

1. Chỉ số PCI năm 2021 trên phạm vi cả nước

Báo cáo PCI 2021 được xây dựng dựa trên thông tin phản hồi từ 11.312 doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam (Trong đó 8.036 doanh nghiệp tư nhân trong nước, 2.091 doanh nghiệp mới thành lập đang hoạt động tại 63 tỉnh, thành phố và 1.185 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI đến từ 47 quốc gia, vùng lãnh thổ đang hoạt động tại 22 địa phương Việt Nam). 8 phát hiện chính từ khảo sát PCI đó là: Môi trường kinh doanh tại Việt Nam có chuyển biến chung theo hướng tích cực; Các chính quyền địa phương tiếp tục phát huy tinh thần năng động và sự ủng hộ với khu vực kinh tế tư nhân; Chi phí không chính thức tiếp tục xu hướng giảm trong hầu hết các lĩnh vực thủ tục liên quan đến doanh nghiệp; Hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính có cải thiện song vẫn cần thêm nhiều nỗ lực cải cách; Cần tiếp tục giảm gánh nặng tuân thủ các thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện; Tiếp cận đất đai còn nhiều trở ngại cần cải thiện; Kết quả thực thi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khá khiêm tốn trên thực tiễn; Công tác phổ biến thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế cần tiếp tục đẩy mạnh để phát huy hiệu quả.

Đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiếp tục có niềm tin kinh doanh vững chắc tại Việt Nam; Các doanh nghiệp FDI tiếp tục đánh giá cao hiệu quả của công cuộc chống tham nhũng của Việt Nam trong năm 2021, song đây vẫn là lĩnh vực cần tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa; Chất lượng lao động tương đối đáp ứng nhu cầu (các doanh nghiệp FDI khá lạc quan về tình hình cải thiện chất lượng lao động, tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp FDI gặp nhiều khó khăn hơn trong tuyển dụng một số nhóm lao động kỹ năng cao); Cơ sở hạ tầng được nhà đầu tư nước ngoài đánh giá có sự cải thiện trong những năm gần đây.

Kết quả xếp hạng PCI năm 2021, có 1 tỉnh đạt loại điều hành rất tốt là Quảng Ninh; 11 tỉnh đạt loại điều hành tốt; 20 tỉnh xếp loại khá; 22 xếp loại trung bình; 7 tỉnh xếp loại tương đối thấp và 2 tỉnh xếp loại thấp (Cao Bằng, Hòa Bình). Quảng Ninh năm thứ 5 liên tiếp duy trì vị trí dẫn đầu trong Bảng xếp hạng PCI 2021 với 73,02 điểm và trong năm nay là tỉnh duy nhất được xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế “rất tốt” vì đã có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc. Đây là một trong số địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về quản trị dịch bệnh cao nhất cả nước. Và đánh giá về ngôi vương năm nay, các chuyên gia PCI nhắc đến phương châm “5 thật” của địa phương này đó là: Cán bộ nhà nước và cán bộ trong tỉnh phải ứng xử chân thành để doanh nghiệp suy nghĩ thật - doanh nghiệp nói thật - chính quyền hành động thật - các nỗ lực của tỉnh có kết quả thật - và người dân, doanh nghiệp được hưởng thụ thật.

2. Nghệ An trong bảng xếp hạng PCI năm 2021

Theo kết quả công bố Chỉ số PCI năm 2021, Nghệ An đứng vị trí thứ 30 với 64,74/100 điểm (năm 2020 là 64,73/100 điểm), đứng thứ 3 khu vực Bắc Trung bộ (sau Thừa Thiên Huế và Hà Tĩnh) thuộc nhóm điều hành khá, vị trí thứ hạng giảm 12 bậc so năm 2020. Để nhìn thấy rõ sự cải thiện hay tồn tại trên các chỉ số, chúng ta so sánh vị thứ của Nghệ An trong 63 tỉnh thành trên từng chỉ số tại bảng 1.

**Bảng 1: Điểm số chỉ số thành phần tỉnh Nghệ An năm 2020-2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số thành phần** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Tăng/Giảm bậc** |
| Điểm số | Trung vị | ***Xếp hạng*** | Điểm số | Trung vị | ***Xếp hạng*** |
| CSTP 1: Gia nhập thị trường | 7.37 | 7.81 | ***43*** | 6.99 | 6.88 | ***29*** | +14 |
| CSTP 2: Tiếp cận đất đai | 6.54 | 6.66 | ***35*** | 6.94 | 7.06 | ***40*** | -5 |
| CSTP 3: Tính Minh bạch | 6.04 | 5.85 | ***22*** | 6.10 | 6.02 | ***29*** | -7 |
| CSTP 4: Chi phí thời gian | 7.61 | 7.71 | ***35*** | 7.54 | 7.46 | ***30*** | +5 |
| CSTP 5: Chi phí không chính thức | 6.22 | 6.62 | ***45*** | 6.50 | 7.06 | ***51*** | -6 |
| CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng | 6.35 | 6.59 | ***43*** | 4.21 | 5.99 | ***62*** | -19 |
| CSTP 7: Tính năng động | 6.31 | 6.37 | ***34*** | 6.27 | 6.82 | ***58*** | -24 |
| CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp | 6.78 | 5.91 | ***11*** | 7.57 | 6.85 | ***9*** | +2 |
| CSTP 9: Đào tạo lao động | 6.25 | 6.52 | ***42*** | 5.82 | 5.81 | ***31*** | +11 |
| CSTP 10: Thiết chế pháp lý và ANTT | 6.53 | 6.80 | ***39*** | 6.59 | 7.19 | ***49*** | -10 |

*Nguồn: Báo cáo PCI năm 2021*

Nhìn vào bảng 1, cho thấy có 4 chỉ số thành phần tăng bậc, trong đó 2 chỉ số được cải thiện tốt so năm 2020 đó là Chỉ số Gia nhập thị trường tăng 14 bậc, Chỉ số Đào tạo lao động tăng 11 bậc.

Tuy nhiên, có 6 chỉ số thành phần giảm bậc và các chỉ số như: Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý và ANTT có thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành phố. Những chỉ số giảm bậc nhanh so với năm 2020 là chỉ số Tính năng động giảm 24 bậc, Chỉ số Cạnh trang bình đẳng giảm 19 bậc, Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT giảm 10 bậc.

(1). Đối với Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng xếp vị trí thứ 62/63, chỉ số thành phần thấp nhất năm 2020 và giảm 19 bậc so năm 2020, được xác định bằng việc lấy ý kiến các doanh nghiệp qua 11 tiêu chí. Qua đó cho thấy tỉnh vẫn ưu ái doanh nghiệp lớn, ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước.

*Bảng 2: Kết quả các tiêu chí trong chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Nghệ An và so sánh với mức bình quân chung và min, max của cả nước*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nghệ An % | Min | Trung vị | Max |
| Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) | 67 | 40 | 77 | 89 |
| Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) | 59 | 32 | 53 | 73 |
| Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) | 50 | 16 | 39 | 60 |
| Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 39 | 11 | 25 | 48 |
| Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 28 | 8 | 20 | 31 |
| Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 28 | 5 | 16 | 40 |
| Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 19 | 2 | 10 | 21 |
| Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 31 | 8 | 20 | 36 |
| Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) | 26 | 3 | 17 | 28 |
| Việc tỉnh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý) | 46 | 20 | 43 | 70 |
| "Hợp đồng, đất đai,… và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý) | 70 | 36 | 61 | 86 |

*Nguồn: Báo cáo PCI năm 2021*

(2) Đối với Chỉ số Tính năng động xếp thứ 58/63, giảm 24 bậc so năm 2020 và được xác định bằng việc lấy ý kiến các doanh nghiệp qua 9 tiêu chí. Qua bảng cho thấy một số chỉ tiêu thành phần các DN đánh giá thấp như: Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân; UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; Năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh; Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh; Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động; Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình.

*Bảng 3: Kết quả các tiêu chí trong chỉ số tính năng động của Nghệ An và so sánh với mức bình quân chung và min, max của cả nước*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | % Nghệ An | Min | Trung vị | Max |
| Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN) | 58% | 38% | 62% | 76% |
| Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN) | 39% | 13% | 29% | 63% |
| Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý | 34% | 13% | 32% | 57% |
| UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (%Đồng ý) | 78% | 43% | 86% | 96% |
| UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý) | 68% | 35% | 74% | 93% |
| Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) | 38% | 16% | 36% | 69% |
| Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý) | 66% | 44% | 79% | 92% |
| Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)  | 45% | 30% | 53% | 75% |
| Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình | 66% | 29% | 72% | 86% |

*Nguồn: Báo cáo PCI năm 2021*

(3) Đối với Chỉ số Chi phí không chính thức xếp vị trí thứ 51/63, giảm 6 bậc so năm 2020, được xác định bằng việc lấy ý kiến các doanh nghiệp qua 16 tiêu chí. Qua đó cho thấy tồn tại: Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN; mất các khoản chi phí không chính thức; DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy; DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường; Chi trả “hoa hồng” để có cơ hội thắng thầu.

*Bảng 4: Kết quả các tiêu chí trong chỉ số Chi phí không chính thức* *của Nghệ An và so sánh với mức bình quân chung và min, max của cả nước*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nghệ An % | Min | Trung vị | Max |
| Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý) | 44 | 23 | 41 | 70 |
| Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn) | 60 | 13 | 55 | 91 |
| Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý) | 54 | 16 | 57 | 78 |
| Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)  | 77 | 66 | 87 | 97 |
| Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%) | 29 | 7 | 21 | 47 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) | 21 | 7 | 19 | 51 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) | 63 | 32 | 63 | 80 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%) | 24 | 6 | 30 | 58 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) | 36 | 0 | 33 | 100 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)  | 47 | 8 | 50 | 88 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) | 37 | 9 | 31 | 53 |
| Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng | 81 | 14 | 71 | 100 |
| DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức | 7 | 0.79 | 4.08 | 15.71 |
| Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN) | 42 | 0 | 27 | 67 |
| Chi trả " hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý) | 18 | 0 | 37 | 100 |
| Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%) | 25 | 4 | 21 | 55 |

*Nguồn: Báo cáo PCI năm 2021*

(4) Đối với Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT xếp vị trí thứ 49/63, giảm 10 bậc so năm 2020, được xác định bằng việc lấy ý kiến các doanh nghiệp qua 18 tiêu chí.

*Bảng 5: Kết quả các tiêu chí trong chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT* *của Nghệ An và so sánh với mức bình quân chung và min, max của cả nước*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Nghệ An | Min | Trung vị | Max |
| Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn) | 37 | 20 | 43 | 62 |
| Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý) | 87 | 80 | 90 | 97 |
| Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)  | 41 | 30 | 59 | 86 |
| Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý) | 45 | 7 | 49 | 64 |
| Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý) | 88 | 86 | 94 | 100 |
| Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý) | 78 | 60 | 82 | 91 |
| Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý) | 79 | 61 | 82 | 93 |
| Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)  | 81 | 37 | 84 | 95 |
| Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) | 67 | 67 | 80 | 93 |
| Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) | 58 | 55 | 71 | 90 |
| Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý) | 85 | 80 | 92 | 97 |
| Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC) | 1.84 | 0.06 | 1.18 | 11.40 |
| Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (%, TANDTC) | 75 | 8 | 86 | 100 |
| Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (%, TANDTC) | 84 | 26 | 66 | 95 |
| Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%) | 77 | 56 | 78 | 98 |
| Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%) | 4 | 0 | 6 | 17 |
| Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%) | 60 | 17 | 64 | 83 |
| Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%) | 1 | 0 | 1 | 9 |

*Nguồn: Báo cáo PCI năm 2021*

Kết quả bảng 2-5 cho thấy những vấn đề tồn tại như: Có sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các DN lớn và DN nhỏ và vừa; tính linh hoạt và giải quyết các phát sinh mới DN đang bị đánh giá thấp; chi phí không chính thức cao, nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến; Các khoản chi phí không chính thức trong phòng cháy, chữa cháy, quản lý thị trường, đấu thầu, chi phí từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành,…

**3. Một số kiến nghị để cải thiện chỉ số PCI tỉnh thời gian tới**

*Thứ nhất*, cải thiện các chỉ số xếp hạng thấp, giảm điểm

(1) Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi đối với các doanh nghiệp trong nước tiếp cận đất đai, nguồn vốn... đảm bảo không có sự thiên vị giữa các loại hình doanh nghiệp. Đổi mới cách thức quản lý Nhà nước theo hướng tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng. Mở rộng không gian kinh tế cho khu vực tư nhân tham gia. Các doanh nghiệp cần quan tâm tìm hiểu, nắm rõ trách nhiệm của mình để chuẩn bị, hợp tác với cơ quan Nhà nước trong quá trình làm thủ tục.

(2) Chỉ số Tính năng động: Thể hiện rõ nét hơn mức độ thân thiện giữa chính quyền với doanh nghiệp. Thay đổi tư duy lãnh đạo, chuyển từ tư duy quản lý sang phục vụ, hỗ trợ. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước. Đề cao tính năng động, sáng tạo, khả năng áp dụng và trách nhiệm tiên phong của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số và xây dựng bộ máy hành chính Nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp. Tích cực trong việc xử lý các vướng mắc của doanh nghiệp, góp phần tạo sự minh bạch hơn trong môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp, đổi mới, nâng cao chất lượng đối thoại doanh nghiệp, giải quyết dứt điểm các ý kiến về khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp còn tồn đọng. Nâng cao vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện để Hiệp hội tham gia thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tạo sự công bằng trong thực hiện TTHC, tiếp cận đất đai, giải quyết khó khăn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

(3) Chỉ số Chi phí không chính thức: Đổi mới phong cách làm việc; Nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức với người dân và doanh nghiệp. Kiên quyết xử lý các trường hợp cán bộ, công chức gây nhũng nhiễu, có hình thức xử phạt nghiêm minh làm tính răn đe. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình xử lý các công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

 (4) Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT: Tích cực cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và DN trong việc tra cứu, áp dụng. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đối thoại, tọa đàm với các DN nhằm kịp thời cung cấp các thông tin, chính sách, quy định của pháp luật mới ban hành liên quan đến tổ chức và hoạt động của DN; kiến nghị loại bỏ những nội dung không phù hợp với quy định hoặc gây phiền hà cho các DN. Các cơ quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, khuyến khích DN nhờ đến tòa án để giải quyết các tranh chấp; loại bỏ tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết tranh chấp vụ án để thể hiện tính công bằng, nghiêm minh trong quá trình xét xử. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp kinh tế cũng như khiếu nại, tố cáo của DN, nhà đầu tư; công bố công khai các trình tự, thủ tục tố tụng, khiếu nại, tố cáo và quy định rõ thời gian giải quyết các vụ việc.

*Thứ hai*, tiếp tục đánh giá năng lực cạnh tranh của chính quyền địa phương và các sở, ngành DDCI (Department and District Competitiveness Index) để đánh giá khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo chính quyền địa phương và sở, ban, ngành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư, doanh nghiệp. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, lãnh đạo cải thiện môi trường kinh doanh.

*Thứ ba*, Phát triển hệ sinh thái môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Đẩy nhanh quá trình xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử. Tập trung xúc tiến đầu tư tại chỗ, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện và mở rộng sản xuất. Thành lập các tổ công tác trực tiếp hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết khó khăn, vướng mắc. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát huy vai trò cầu nối của các Hiệp hội doanh nghiệp để các chính sách của tỉnh lan tỏa nhanh chóng đến các doanh nghiệp. Khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp.

*Thứ tư*, tích cực cải cách hành chính ttheo chiều sâu và tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề doanh nghiệp quan tâm và nhiều ý kiến.

*Thứ năm*, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số.

**Tài liệu tham khảo**

1. Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam, Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam năm 2020 và 2021.

2. Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030.

3. Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đề án “Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025”.